إِنَّا نَحْنُ نَزَّلْنَا الذِّكْرَ وَإِنَّا لَهُ لَحَافِظُونَ

إِنَّهُ لَقُرْآنٌ كَرِيمٌ فِي كِتَابٍ مَكْنُونٍ لَا يَمَسُّهُ إِلَّا الْمُطَهَّرُونَ تَنْزِيلٌ مِنْ رَبِّ الْعَالَمِينَ

Vị Bảo quản hai Ngôi Thánh đường, Quốc vương
Abdullah b. Abdul Aziz al Saud, Quốc vương của Á-rập
Sauđi, hân hạnh chỉ thị việc xuất bản
Kinh Qur'an với bản dịch ý nghĩa nội dung.

شرف بالأمر بطباعة هذا المصحف الشريف وترجمة معانيه
خادم الحرمين الشريفين الملك عبد الله بن عبد العزيز آل سعود
ملك المملكة العربية السعودية

القرآن الكريم

وترجمة معانيه إلى اللغة الفيتنامية

مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف

Thiên Kinh

Qur’an

và

Bản dịch ý nghĩa nội
dung bằng
Việt ngữ

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương Fahad
về việc xuất bản Thiên Kinh Qur’an

وقف لله تعالى من خادم الحرمين الشريفين
الملك عبد الله بن عبد العزيز آل سعود
ولا يجوز بيعه

يوزع مجانا

Phân phối miễn phí

Bản dịch Thiên kinh Qur'an bằng Việt ngữ này
Do Đức Vua Abdullah bin Abdul Aziz al-Saud,
Vị Bảo quản hai ngôi Thánh đường linh thiêng,
Dâng cúng Allah, Đấng Tối Cao.
Cấm bán

Thiên Kinh
Qur’an

và

Bản dịch ý nghĩa nội dung

do

Hassan Bin Abdul Karim chuyển ngữ
với sự cộng tác của Abdul Halim Ahmed

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương
Fahad về việc xuất bản Thiên Kinh Qur’an
tại Madina, K.S.A.

بسم الله الرحمن الرحيم

مقدمة

بقلم معالي الشيخ : صالح بن عبدالعزيز بن محمد آل الشيخ
وزير الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد
المشرف العام على المجمع.

الحمد لله رب العالمين، القائل في كتابه الكريم :

﴿ ... قَدْ جَآءَكُم مِّنَ ٱللَّهِ نُورٌ وَكِتَٰبٌ مُّبِينٌ ﴾ .

والصلاة والسلام على أشرف الأنبياء والمرسلين، نبينا محمد، القائل :

« خيركم من تعلّم القرآن وعلّمه » .

أما بعد :

فإنفاذاً لتوجيهات خادم الحرمين الشريفين الملك عبد الله بن عبد العزيز آل سعود، حفظه الله، بالعناية بكتاب الله، والعمل على تيسير نشره، وتوزيعه بين المسلمين، في مشارق الأرض ومغاربها، وتفسيره، وترجمة معانيه إلى مختلف لغات العالم.

وإيماناً من وزارة الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد بالمملكة العربية السعودية، بأهمية ترجمة معاني القرآن الكريم، إلى جميع لغات العالم المهمة، تسهيلاً لفهمه على المسلمين الناطقين بغير العربية، وتحقيقاً للبلاغ المأمور به في قوله ﷺ : « بلّغوا عني ولو آية » .

وخدمة لإخواننا الناطقين باللغة الفيتنامية، يطيب لمجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة المنورة، أن يقدم للقارئ الكريم هذه الترجمة الفيتنامية، التي قام بها الشيخ حسن عبدالكريم، وراجعها من قبل المجمع كل من: الشيخ عبدالحليم أحمد (نجوبن) و الشيخ محمد أفندي بن محمد يوسف.

ونحمد الله سبحانه وتعالى أن وفق لإنجاز هذا العمل العظيم، الذي نرجو أن يكون خالصاً لوجهه الكريم، وأن ينفع به الناس.

إننا لندرك أن ترجمة معاني القرآن الكريم، مهما بلغت دقتها، ستكون قاصرة عن أداء المعاني العظيمة التي يدل عليها النص القرآني المعجز، وأن المعاني التي تؤديها الترجمة إنما هي حصيلة ما بلغه علم المترجم في فهم كتاب الله الكريم، وأنه يعتريها ما يعتري عمل البشر كلّه من خطأ أو نقص.

ومن ثم نرجو من كل قارئ لهذه الترجمة أن يوافي مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة النبوية بما قد يجده فيها من خطأ أو نقص أو زيادة، للإفادة من الاستدراكات في الطبعات القادمة إن شاء الله.

والله الموفق، وهو الهادي إلى سواء السبيل، اللهم تقبل منا إنك أنت السميع العليم.

بسم الله الرحمن الرحيم

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ Lượng, Đấng Rất mực Khoan Dung

LỜI GIỚI THIỆU

Ngài Sheikh Saleh bin Abdul Aziz bin Muhammad al Sheikh Bộ trưởng Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng Chủ Tể của vũ trụ và muôn loài.

Allah đã phán trong Kinh sách của Ngài như sau:

"*Một Ánh sáng và Kinh Sách quang minh đã đến với các người*"

Và Phúc lành và Bằng an cho Nabi Muhammad (saw), Vị Thiên Sứ ưu hạng trong các Sứ Giả của Allah. Người có tuyên bố:

"*Tốt nhất trong các người là người học hỏi Qur'an và dạy lại cho người khác*"

Nhằm thi hành lệnh truyền của Quốc Vương Abdullah bin Abdul Aziz al Saud -Xin Allah che chở Ngài-về việc bảo vệ và duy trì Kinh Sách của Allah cũng như việc phổ biến và phân phối nó cho các tín hữu Muslim trên thế giới;

Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad của Vương Quốc Ả-rập Saudi nhận thấy tầm mức quan trọng của việc phiên dịch nội dung Qur'an sang các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới hầu giúp người Muslim không thông thạo tiếng Ả-râp thông hiểu nội dung Qur'an cũng như việc thi hành lời dặn của Thiên Sứ bảo phải truyền chuyển cho người khác dẫu là một ayah (câu) nơi ta;

Và nhằm phục vụ các đạo hữu Muslim nói tiếng Việt, Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah rất hài lòng giới thiệu với các độc giả nói tiếng Việt bản dịch Qur'an bằng Việt ngữ của Hassan Abdul Karim đã được Sheikh Abdul Halim Ahmad Nguyễn và Sheikh Muhammad Afandi b. Muhammad Yusof đại diện cho Trung tâm Ấn loát duyệt lại.

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã giúp hoàn tất công trình phiên dịch to lớn rất hữu ích này cho nhân loại với niềm hy vọng nhân loại sẽ hưởng lợi về việc phiên dịch bất vụ lợi nhằm phục vụ Allah.

Quả thật, chúng tôi nhận thấy mặc dù hết sức cố gắng phiên dịch Lời Phán của Allah trong Qur'an, dịch giả vì tính hữu hạn của con người chỉ có thể giúp độc giả hiểu được nội dung của nó chứ không thể dịch hết được ý nghĩa của một kiệt tác.

Vì thế, chúng tôi hy vọng các độc giả nói tiếng Việt sẽ liên lạc với Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah về những khuyết điểm khi đọc bản dịch hầu giúp chúng tôi hoàn chỉnh việc ấn loát trong tương lai, Insha Allah.

Allah đã giúp hoàn tất và hướng dẫn theo con đường ngay chính. Xin Ngài chấp nhận việc làm này của chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng hằng Nghe và hằng Biết.

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ Lượng, Đấng Rất mực Khoan Dung

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh Qur'ān thường được phiên âm *Coran* hay *Koran* bắt nguồn từ động từ *qara'a* của tiếng Ả-rập có nghĩa 'y, hấn đọc' và từ đó Qur'ān có nghĩa 'việc tuyên đọc' hay 'một bản văn được đọc ra'.

Thật vậy, Kinh Qur'ān là Lời phán truyền của Đấng Thượng Đế 'Allah' đã do Thiên thần Jibrīl (Gabriel) mang xuống đọc cho Thiên sứ Muhammad (Phúc lành và Bằng an cho Người) để Người đọc lại cho nhân loại bằng tiếng Ả-rập. (Q. 26:192-195) Thiên sứ Muhammad (Phúc lành và Bằng an cho Người) đã xác nhận mình không phải là tác giả của Kinh Qur'ān bởi vì từ thuở ấu thơ cho đến khi thụ phong chức Thiên sứ vào lúc 40 tuổi, Người đã không biết đọc biết viết (Q. 7:157) và đã không hề đọc một kinh sách hay viết một quyển kinh nào từ tay phải của Người. (Q. 26:48)

Với thể văn xuôi gieo vần độc đáo và nội dung vô cùng phong phú, Kinh Qur'ān làm cho người nghe say mê. Nó là một kiệt tác vô địch mà không một văn hào hay thi nhân Ả-rập nào có thể sáng tác nổi một tác phẩm tương tự. (Q. 2:23-24)

Allah phán: "Nếu *TA* truyền giáng Qur'ān này lên một quả núi thì Ngươi (Muhammad) sẽ thấy nó hạ mình khiêm tốn và nứt ra làm hai vì khiếp sợ Allah." (Q. 59:21)

Kinh Qur'ān vì thế mang tính chất thiêng liêng khác với một tác phẩm bình thường của con người. Từng lời phán (*kalimah*), từng câu kinh (*āyat*) của Nó có một giá trị thiêng liêng siêu phàm không thể chuyển ngữ sang một thứ tiếng khác.

Không ai có đủ khả năng dịch nổi một kiệt tác và nhất là Lời phán truyền của Allah, Đấng Tạo Hóa..

Việc chuyển ngữ Kinh Qur'ān sang tiếng Việt là một việc làm hết sức mạo hiểm bởi vì một tôn giáo có những ngôn từ riêng, những tín điều và tín ngưỡng riêng, những cung cách thờ phụng riêng và vì thế người ta không thể dùng từ ngữ của một tôn giáo này để dịch các ngôn từ của một tôn giáo khác.

Việc làm của chúng tôi chỉ là diễn dịch ý nghĩa nội dung của Kinh Qur'ān sang tiếng Việt chứ không phải dịch từng chữ Ả-rập của nó sang Việt ngữ. Do đó, bản dịch Việt ngữ này không phải là Kinh Qur'ān.

Để giúp độc giả tránh hiểu lầm ý nghĩa nội dung của Kinh Qur'ān, chúng tôi giữ nguyên các danh từ riêng của nó như *Allah* (Đấng Thượng Đế), *Rabb* (Đấng đã tạo hóa, Đấng yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, hướng dẫn, Đấng Chủ Tể đang cai quản vũ trụ và muôn loài), *salāh* (lễ nguyện), *zakāh* (thuế an sinh giúp đỡ người nghèo), *siyām* (nhịn chay), *Hajj* (hành hương) v.v...

Chúng tôi tri ân Bộ Islām Vụ, Auqāf, Da'wah và Irshād của Vương quốc Ả-rập Sau-đi và Trung tâm ấn loát và phát hành Kinh Qur'ān thuộc Quốc vương Fahad tại Madīnah Munauwarah đã dành cho chúng tôi một cơ hội quí báu để ấn loát và phát hành bản dịch ý nghĩa nội dung Kinh Qur'ān bằng Việt ngữ của chúng tôi đính kèm với nguyên tác Kinh Qur'ān bằng tiếng Ả-rập hầu giúp các tín hữu Muslim nói tiếng Việt nắm được nội dung của Kinh Qur'ān vốn là một ánh sáng và chỉ đạo của Allah ban cho nhân loại.

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng hằng yêu thương và chăm sóc nhân loại, đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công tác phục vụ Ngài. Amin

سُورَةُ الفَاتِحَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ١
ٱلۡحَمۡدُ لِلَّهِ رَبِّ ٱلۡعَٰلَمِينَ ٢
ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ ٣ مَٰلِكِ يَوۡمِ ٱلدِّينِ ٤
إِيَّاكَ نَعۡبُدُ وَإِيَّاكَ نَسۡتَعِينُ ٥ ٱهۡدِنَا
ٱلصِّرَٰطَ ٱلۡمُسۡتَقِيمَ ٦ صِرَٰطَ ٱلَّذِينَ أَنۡعَمۡتَ
عَلَيۡهِمۡ غَيۡرِ ٱلۡمَغۡضُوبِ عَلَيۡهِمۡ
وَلَا ٱلضَّآلِّينَ ٧

AL-FĀTIHAH
(Khai Đề)

1.- Nhân danh Allah[1], Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung[2].

2.- Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb*[3] (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài[4];

3.- Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung;

4.- Đức Vua[5] của Ngày Phán xử[6] (Cuối cùng).

5.- (Ôi Allah) duy chỉ Ngài chúng tôi thờ phụng và chỉ với riêng Ngài chúng tôi cầu xin được giúp đỡ[7];

6.- Xin Ngài hướng dẫn chúng tôi (đi) theo con đường ngay chính:

7.- Con đường của những người đã được Ngài ban ân[8], không phải là (con đường của) những kẻ mà Ngài đã giận dữ và (cũng không phải là con đường của) những ai lầm đường lạc lối.

---

[1] **Allah** là tên riêng của Đấng Tạo Hóa, Đấng Thượng Đế

[2] *Ar-Rahmān Ar-Rahīm* là hai thuộc tính (*Sifāt*) của Allah. Allah là Đấng rất mực Nhân từ Độ lượng đối với tất cả chúng sinh, rất mực Khoan dung Tha thứ đối với những ai thờ phụng ngài.

[3] *Rabb* là Đấng Tạo hóa, Đấng Yêu thương, Chăm sóc, Nuôi dưỡng, Đấng Thượng Đế, Đấng Chủ Tể đang làm chủ và cai quản tất cả muôn loài muôn vật trong các tầng trời và trái đất

[4] *'ālamīn* gồm loài người, loài *jinn* và tất cả vạn vật giữa trời và đất.

[5] *Malik* là Đức Vua nắm mọi quyền hành xử lý.

[6] *Dīn* là tôn giáo, hay việc phán xử để tưởng thưởng và trừng phạt. Allah là Đức Vua sẽ chủ trì việc xét xử con người vào Ngày Phán xử Cuối cùng. Các Sứ giả của Allah hay Thiên sứ đã mang Chỉ thị của Allah đến chỉ dạy loài người rằng chết không phải là hết mà họ sẽ được phục sinh trở lại để chịu việc phán xử hành động tốt và xấu của họ trên thế gian suốt thời gian họ đã sống trên trái đất chiếu theo hồ sơ cá nhân do các thiên thần ghi lại trong sổ bộ đời của họ.

[7] Sau khi nhận thức Allah là *Rabb* của mình, người Muslim chỉ tôn thờ và phụng sự riêng Allah và cầu xin Ngài giúp đỡ trong mọi hoàn cảnh. Người Muslim không được nhập nhằng giữa Đấng Tạo Hóa Allah và các tạo vật của Ngài. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất và giữa trời đất đều là các tạo vật của Allah kể cả loài người. Người Muslim không được phép tôn thờ các tạo vật của Allah mà chỉ tôn thờ riêng Allah, Đấng Tạo Hóa. Tôn thờ các tạo vật của Allah là phạm một trọng tội mà Allah không bao giờ tha thứ. (Q.4:116)

[8] Những người đã được Allah ban ân gồm: 1/ Các *Nabi* (Vị tiếp thu Mặc khải); 2/ các *Siddīqūn* (Vị yêu chuộng Sự thật); 3/ các *Shuhadā'* (Vị Tự đạo); và 4/ *Sālihūn* (Vị Hiền lương). (Q.4:69)

سُورَةُ البَقَرَةِ

بِسۡمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحۡمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

الٓمٓ ١ ذَٰلِكَ ٱلۡكِتَٰبُ لَا رَيۡبَۛ فِيهِۛ هُدٗى
لِّلۡمُتَّقِينَ ٢ ٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِٱلۡغَيۡبِ وَيُقِيمُونَ ٱلصَّلَوٰةَ
وَمِمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡ يُنفِقُونَ ٣ وَٱلَّذِينَ يُؤۡمِنُونَ بِمَآ أُنزِلَ
إِلَيۡكَ وَمَآ أُنزِلَ مِن قَبۡلِكَ وَبِٱلۡأٓخِرَةِ هُمۡ يُوقِنُونَ ٤
أُوْلَٰٓئِكَ عَلَىٰ هُدٗى مِّن رَّبِّهِمۡۖ وَأُوْلَٰٓئِكَ
هُمُ ٱلۡمُفۡلِحُونَ ٥

AL-BAQARAH[1]
(Con Bò Cái Tơ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

1.- *Alif. Lām. Mīm*[2].

2.- Đây là Kinh Sách, không có gì phải ngờ vực cả, (dùng làm) Chỉ đạo[3] cho những người ngay chính sợ Allah:[4]

3.- Những ai tin điều vô-hình[5] và chu đáo dâng lễ *Salāh*[6] và chi dùng những vật mà *TA* (Allah) đã cung cấp;

4.- Và những ai tin tưởng nơi những điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Ngươi (Muhammad) và những điều đã được ban xuống vào thời trước Ngươi; và họ tin chắc chắn nơi Đời Sau;

5.- Họ là những người theo đúng sự Dẫn dắt do *Rabb* (Allah) của họ (ban xuống) và là những người sẽ thành đạt.

---

[1] Để tựa cho Chương này lấy từ một danh từ '*al-Baqarah*' nơi câu 67 của nó. Phương cách đặt tên cho các Chương của Qur'ān đều như thế cả. Tức là dùng một danh từ của Chương để đặt tên cho nó. Về sự tích của al-Baqarah (Con bò cái tơ) sẽ đề cập sau.

[2] Đây là những chữ cái của mẫu tự Ả-rập. Khi ba chữ cái *Alif. Lām. Mīm.* được đặt chung với nhau như thế thì được gọi là *Muqatta'at* hay chữ tắt. Trong Qur'ān, *muqatta'at* Alif. Lām. Mīm. được khởi xướng tại các chương 2, 3, 29, 30, 31, và 32. Các học giả Muslim giải thích đó là một phương cách Allah gợi sự chú ý của cử tọa. Chỉ Allah thôi biết ý nghĩa của nó.

[3] *Huda* là Chỉ đạo hướng dẫn cụ thể.

[4] *Muttaqīn* là những người có **Taqwa**. *Taqwa* có nghĩa: 1/ Sợ Allah; 2/ Kiềm hãm miệng mồm, tay chân và tấm lòng khỏi phạm tội; 3/ từ đó trở thành ngay chính, đạo đức.

[5] *Al-Ghayb* có nghĩa là vật, điều mà con mắt thường không thể nhìn thấy được nhưng hiện có, chẳng hạn như Thượng đế Allah, Thiên thần, Đời sau, sự Phục sinh, Thiên đàng, Hỏa ngục, Định mệnh v.v... và cụ thể như điện tử, nguyên tử v.v... hiện có nhưng mắt thường không thể nhìn thấy.

[6] *Salāh* là một nghi lễ thờ phụng Allah của người Muslim được cử hành hằng ngày và có tính bắt buộc. Nghi thức hành lễ *Salāh* đã do Thiên sứ Muhammad (saw) chỉ dạy cho các tín đồ. Nó gồm các động tác *Qiyām* (Đứng thẳng người), *Rukū'* (cúi mình về đằng trước), *Sujūd* (quì mọp đầu xuống đất) Trong mỗi động tác, người dâng lễ phải đọc một số câu kinh và lời cầu nguyện ngụ ý tán dương Allah và tự nhắc nhở về mối quan hệ của mình đối với Đấng Tạo hóa Allah.

إِنَّ ٱلَّذِينَ كَفَرُواْ سَوَآءٌ عَلَيۡهِمۡ ءَأَنذَرۡتَهُمۡ أَمۡ لَمۡ تُنذِرۡهُمۡ
لَا يُؤۡمِنُونَ ٦ خَتَمَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمۡ وَعَلَىٰ سَمۡعِهِمۡۖ وَعَلَىٰٓ
أَبۡصَٰرِهِمۡ غِشَٰوَةٞۖ وَلَهُمۡ عَذَابٌ عَظِيمٞ ٧ وَمِنَ ٱلنَّاسِ
مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِٱللَّهِ وَبِٱلۡيَوۡمِ ٱلۡأٓخِرِ وَمَا هُم بِمُؤۡمِنِينَ ٨
يُخَٰدِعُونَ ٱللَّهَ وَٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ وَمَا يَخۡدَعُونَ إِلَّآ أَنفُسَهُمۡ
وَمَا يَشۡعُرُونَ ٩ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٞ فَزَادَهُمُ ٱللَّهُ مَرَضٗاۖ
وَلَهُمۡ عَذَابٌ أَلِيمُۢ بِمَا كَانُواْ يَكۡذِبُونَ ١٠ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ
لَا تُفۡسِدُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ قَالُوٓاْ إِنَّمَا نَحۡنُ مُصۡلِحُونَ ١١ أَلَآ إِنَّهُمۡ
هُمُ ٱلۡمُفۡسِدُونَ وَلَٰكِن لَّا يَشۡعُرُونَ ١٢ وَإِذَا قِيلَ لَهُمۡ
ءَامِنُواْ كَمَآ ءَامَنَ ٱلنَّاسُ قَالُوٓاْ أَنُؤۡمِنُ كَمَآ ءَامَنَ ٱلسُّفَهَآءُۗ
أَلَآ إِنَّهُمۡ هُمُ ٱلسُّفَهَآءُ وَلَٰكِن لَّا يَعۡلَمُونَ ١٣ وَإِذَا لَقُواْ
ٱلَّذِينَ ءَامَنُواْ قَالُوٓاْ ءَامَنَّا وَإِذَا خَلَوۡاْ إِلَىٰ شَيَٰطِينِهِمۡ قَالُوٓاْ إِنَّا
مَعَكُمۡ إِنَّمَا نَحۡنُ مُسۡتَهۡزِءُونَ ١٤ ٱللَّهُ يَسۡتَهۡزِئُ بِهِمۡ وَيَمُدُّهُمۡ
فِي طُغۡيَٰنِهِمۡ يَعۡمَهُونَ ١٥ أُوْلَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ ٱشۡتَرَوُاْ ٱلضَّلَٰلَةَ
بِٱلۡهُدَىٰ فَمَا رَبِحَت تِّجَٰرَتُهُمۡ وَمَا كَانُواْ مُهۡتَدِينَ ١٦

6.- Quả thật, đối với những kẻ không có đức tin[1], dù Ngươi có cảnh cáo hay không cảnh cáo chúng, điều đó bằng thừa đối với chúng bởi vì chúng nhất định không tin gì cả.

7.- Allah niêm kín tấm lòng của chúng và lấy tấm màn bịt tai và mắt của chúng lại; và chúng sẽ chịu một sự trừng phạt hết sức to lớn.

8.- Và trong nhân loại có những người nói: "Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán Xử) Cuối cùng" nhưng thật ra chúng không tin gì cả.

9.- Chúng dối Allah và những người tin tưởng nhưng thực sự chúng chỉ dối bản thân mình nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

10.- Trong lòng của chúng có một chứng bệnh (giả dối). Allah làm cho bệnh tình của chúng thêm trầm trọng và chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn vì tội nói dối.

11.- Và khi có lời bảo chúng: "Chớ làm điều ác đức trên trái đất" thì chúng đáp: "Chúng tôi chỉ là những người cải thiện cho tốt."

12.- Này, chắc chắn chúng là những kẻ ác đức, nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

13.- Và khi có lời bảo chúng: "Các ngươi hãy tin tưởng như mọi người tin tưởng" thì chúng đáp: "Há chúng tôi tin giống như những kẻ đần độn tin hay sao?" Này, chắc chắn chúng là những kẻ đần độn, nhưng chúng không biết (đó thôi).

14.- Và khi gặp những ai có đức tin, chúng bảo: "Chúng tôi tin tưởng." Nhưng khi ở riêng với những tên *Shaytān*[2] của bọn chúng, chúng bảo: "Chúng tôi theo quí ngài. Chúng tôi chỉ chế giễu họ."

15.- Allah chế giễu lại chúng và buông cho chúng lang thang vơ vẩn trong sự thái quá.

16.- Chúng là những kẻ đã mua lấy sự lầm lạc thay vì theo Chỉ đạo, nhưng cuộc đổi chác của chúng chẳng có lợi gì và chúng cũng không được hướng dẫn đi đúng đường.

---

[1] *Kufr, Kāfir* từ gốc chữ *kafara* có nghĩa: 1/ Phủ nhận Allah, phụ ơn; 2/ Phủ nhận đức tin, phủ nhận các điều mặc khải của Allah, không tin gì cả; 3/ Phạm thượng, cho rằng Allah mắc phải những thiếu sót, không toàn vẹn v.v...

[2] *Shayātīn* (số nhiều của *Shaytan*). *Shaytan* (Sa-tăng) còn mang một tên gọi khác là Iblīs, một tạo vật mà Allah đã tạo ra bằng lửa ngọn tức loài *Jinn*. (Q.55:15) Nó là kẻ thù của loài người, chuyên dụ dỗ và dẫn dắt họ lạc khỏi Chính đạo của Allah tức **Islām**. *Shayātīn* ở đây ám chỉ những kẻ xấu, bạn bè của Shaytan.

مَثَلُهُمْ كَمَثَلِ ٱلَّذِى ٱسْتَوْقَدَ نَارًا فَلَمَّآ أَضَآءَتْ مَا حَوْلَهُۥ
ذَهَبَ ٱللَّهُ بِنُورِهِمْ وَتَرَكَهُمْ فِى ظُلُمَٰتٍ لَّا يُبْصِرُونَ ﴿١٧﴾ صُمٌّۢ
بُكْمٌ عُمْىٌ فَهُمْ لَا يَرْجِعُونَ ﴿١٨﴾ أَوْ كَصَيِّبٍ مِّنَ ٱلسَّمَآءِ فِيهِ
ظُلُمَٰتٌ وَرَعْدٌ وَبَرْقٌ يَجْعَلُونَ أَصَٰبِعَهُمْ فِىٓ ءَاذَانِهِم مِّنَ
ٱلصَّوَٰعِقِ حَذَرَ ٱلْمَوْتِ ۚ وَٱللَّهُ مُحِيطٌۢ بِٱلْكَٰفِرِينَ ﴿١٩﴾ يَكَادُ ٱلْبَرْقُ
يَخْطَفُ أَبْصَٰرَهُمْ ۖ كُلَّمَآ أَضَآءَ لَهُم مَّشَوْا۟ فِيهِ وَإِذَآ أَظْلَمَ عَلَيْهِمْ
قَامُوا۟ ۚ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَذَهَبَ بِسَمْعِهِمْ وَأَبْصَٰرِهِمْ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ
كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٠﴾ يَٰٓأَيُّهَا ٱلنَّاسُ ٱعْبُدُوا۟ رَبَّكُمُ ٱلَّذِى
خَلَقَكُمْ وَٱلَّذِينَ مِن قَبْلِكُمْ لَعَلَّكُمْ تَتَّقُونَ ﴿٢١﴾ ٱلَّذِى جَعَلَ لَكُمُ
ٱلْأَرْضَ فِرَٰشًا وَٱلسَّمَآءَ بِنَآءً وَأَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَخْرَجَ
بِهِۦ مِنَ ٱلثَّمَرَٰتِ رِزْقًا لَّكُمْ ۖ فَلَا تَجْعَلُوا۟ لِلَّهِ أَندَادًا وَأَنتُمْ
تَعْلَمُونَ ﴿٢٢﴾ وَإِن كُنتُمْ فِى رَيْبٍ مِّمَّا نَزَّلْنَا عَلَىٰ عَبْدِنَا فَأْتُوا۟
بِسُورَةٍ مِّن مِّثْلِهِۦ وَٱدْعُوا۟ شُهَدَآءَكُم مِّن دُونِ ٱللَّهِ إِن
كُنتُمْ صَٰدِقِينَ ﴿٢٣﴾ فَإِن لَّمْ تَفْعَلُوا۟ وَلَن تَفْعَلُوا۟ فَٱتَّقُوا۟ ٱلنَّارَ
ٱلَّتِى وَقُودُهَا ٱلنَّاسُ وَٱلْحِجَارَةُ ۖ أُعِدَّتْ لِلْكَٰفِرِينَ ﴿٢٤﴾